

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML21B2** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02302** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Lý (Nghề)**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTML0067	Huỳnh Bảo Luân	07/02/2006			8	9					7.5		8.0
2	21BTML0068	Lê Trọng Luân	29/06/2005			8	10					8.5		8.8
3	21BTML0069	Thái Hữu Luân	23/03/2006			0	0					0.0	0.0	0.0
4	21BTML0070	Lê Thành Nam	08/09/1996			0	0					0.0	0.0	0.0
5	21BTML0071	Nguyễn Khoa Nam	13/10/2005			0	0					0.0	0.0	0.0
6	21BTML0072	Nguyễn Trọng Nghĩa	26/11/2004			8	9					7.5		8.0
7	21BTML0073	Đào Văn Ngoan	07/03/2006			8	9					7.0		7.7
8	21BTML0074	Hứa Thiện Nhân	20/04/2006			0	0					0.0	0.0	0.0
9	21BTML0075	Nguyễn Minh Nhựt	02/09/2006			8	9					9.5		9.2
10	21BTML0076	Phạm Công Phát	26/01/2000											M
11	21BTML0077	Lai Minh Quân	15/10/2000											M
12	21BTML0078	Lương Minh Quy	04/07/2006			8	9					7.3		7.8
13	21BTML0079	Phạm Chí Sơn	27/07/2006			0	0					0.0	0.0	0.0
14	21BTML0080	Nguyễn Ngọc Tân	29/12/1996			0	0					0.0	0.0	0.0
15	21BTML0081	Nguyễn Hữu Thắng	24/04/2003			8	8							M
16	21BTML0082	Nguyễn Công Thành	29/07/2006			8	9					7.3		7.8
17	21BTML0083	Nguyễn Phước Thịnh	26/08/2006			0	0					0.0	0.0	0.0
18	21BTML0084	Tô Thị Cẩm Tiên	17/05/2006			0	0					0.0	0.0	0.0
19	21BTML0085	Nguyễn Huỳnh Tính	31/03/2005			0	0					0.0	0.0	0.0
20	21BTML0086	Tô Hoàng Tính	27/05/2006			8	7					7.8		7.6
21	21BTML0087	Đặng Quốc Trung	18/01/2006			8	10					9.8		9.6
22	21BTML0088	Võ Thanh Tuấn	03/05/1985			0	0					0.0	0.0	0.0
23	21BTML0332	Ma Ha Mad HaFis	11/11/2005			0	0					0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 5 tháng 7 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thái Lộc